TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày: 20/02/2019
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sơn

Bà Lê Thị Bảy Nhỏ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Nguyễn Mộng Cầm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 20/02/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2018, về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị H, sinh năm 1959. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T1, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* 1/ Anh Lê Văn L, sinh năm 1975. (Vắng mặt)

2/ Chị Đào Mỹ X, sinh năm 1981 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T2, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày: Năm 2015 bà làm đầu thảo hụi, chị Đào Mỹ X (chồng là Lê Văn L) tham gia 01 dây hụi, loại hụi 1.000.000đ mở ngày 30/6/2015al, hụi gồm 23 phần, chị X, anh L tham gia 01 phần, khi tham gia góp được 01 lần sống, đến lần thứ hai ngày 30/7/2015al hốt được số tiền 14.880.000đ. Sau đó, chị X góp hụi chết được 09 lần đến ngày 30/4/2016al ngưng góp, bà đã góp hụi thay đến khi mãn hụi, hiện anh chị X, anh L còn nợ bà 12 lần hụi chết. Bà khởi kiện yêu cầu chị X, anh L trả lại số tiền hụi bà đã góp thay 12 lần số tiền 12.000.000đ.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bị đơn chị Đào Mỹ X và anh Lê Văn L, đồng thời triệu tập các đương sự đến tham gia phiên hoà giải nhiều lần nhưng các bị đơn không trình bày ý kiến bằng văn bản gởi cho Toà án. Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên toà nhưng bị đơn Lê Văn L vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Lê Văn L tại phiên toà hôm nay.

Tại biên bản xác minh ngày 27/7/2018 bà Phạm Thị T là mẹ ruột của anh Lê Văn L trình bày: Thời gian vợ chồng anh L, chị X sống chung có mở tiệm mua bán tạp hóa tại Bến phà, đến năm 2017 gây nợ nần nên vợ chồng đã ly hôn và bỏ đi làm ăn nơi khác. Bà đã nhận các văn bản tố tụng về việc bà H khởi kiện anh L, chị X, bà có thông báo cho anh L, chị X biết nhưng không thấy về, bà cũng mong vợ chồng anh L, chị X làm ăn có tiền trả nợ cho bà con. Bà có nhận các văn bản tố tụng của Tòa, cam kết sẽ giao lại cho anh L, chị X và chịu trách nhiệm về lời trình bày của mình.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Bị đơn Đào Mỹ X thừa nhận còn nợ bà Võ Thị H 12 lần hụi chết số tiền 12.000.000đ và đồng ý trả cho bà H. Thời gian chị và anh L sống chung chị tham gia hụi của bà H và đã hốt hụi để lo chi tiêu trong gia đình, anh L không biết cụ thể việc tham gia hụi. Năm 2017, do nợ nần nên chị và anh L đã ly hôn. Trước khi gởi đơn xin ly hôn, chị và anh L đã thỏa thuận việc trả nợ nên đơn khởi kiện việc xin ly hôn chị trình bày không có nợ. Chị đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án về việc bà H khởi kiện do bà Phạm Thị T là mẹ ruột của anh L giao. Chị và anh L đã ly hôn và cùng đi làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn thường xuyên liên lạc qua lại với nhau. Anh L không biết cụ thể việc tham gia hụi nên không có đến phiên Tòa theo triệu tập của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn Võ Thị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng các bị đơn Đào Mỹ X, Lê Văn L không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án, không chấp hành về quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn chị Đào Mỹ X cơ bản chấp hành đúng quy định tại Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; các điều 28, 30 của Nghị định 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; các điều 27, 30 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 26 của Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H. Đề nghị buộc bị đơn Đào Mỹ X trả cho bà Võ Thị H số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng); buộc bị đơn Lê Văn L trả cho bà Võ Thị H số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn Lê Văn L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 30/6/2015al, nguyên đơn bà Võ Thị H có mở hụi loại hụi 1.000.000đ gồm có 23 phần, chị Đào Mỹ X có tham gia 01 phần, đã hốt hụi và không góp hụi chết còn nợ bà H 12 lần hụi chết số tiền 12.000.000đ. Việc chị X tham gia hụi và còn nợ tiền hụi của bà H được thể hiện qua lời trình bày của chị X tại phiên tòa, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án (bút lục 10, 36, 37, 38).

[2.2] Theo đó, nguyên đơn bà Võ Thị H là chủ hụi, chị X là hụi viên, khi mở hụi hai bên đã thỏa thuận việc góp hụi, được lĩnh hụi và góp phần lãi khi lĩnh hụi và chủ hụi được hưởng hoa hồng. Như vậy cho thấy, các đương sự đã thỏa thuận các quyền và nghĩa vụ việc tham gia hụi phù hợp theo quy định tại Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ. Nhưng chị X đã lĩnh hụi ngày 10/8/2015 al, có góp hụi và lãi đến ngày 10/4/2016 al ngưng góp đến khi mãn hụi là vi phạm quy định tại Điều 20 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ. Nguyên đơn Võ Thị H đã góp thay phần hụi của chị X 12 lần số tiền 12.000.000đ. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu chị X có nghĩa vụ trả số tiền hụi còn nợ 12.000.000đ là có căn cứ chấp nhận phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ.

[2.3] Về trách nhiệm trả nợ: Bà Võ Thị H yêu cầu anh Lê Văn L, chị Đào Mỹ X có nghĩa vụ trả nợ. Anh Lê Văn L và chị Đào Mỹ X là vợ chồng thành hôn năm 2001 có đăng ký kết hôn ngày 30/12/2002, sống chung đến tháng 10/2017 ly hôn. Tại phiên tòa, chị X trình bày việc nợ hụi của bà H là nợ trong thời gian chị và anh L sống chung, chị tham gia hụi mục đích nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) chị X nợ hụi bà H là nợ trong thời kỳ hôn nhân. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu anh L, chị X có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 27, Điều 30 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do chị X, anh L đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 247/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn nên buộc anh L có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền

6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*), buộc chị X có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc các bị đơn Lê văn L và Đào Mỹ X có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí trên số tiền buộc trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể, buộc anh L có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), buộc chị X có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c, khoản 1, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 27, 30 của Luật hôn nhân và gia đình; Các điều 28, 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H.

1. Buộc bị đơn anh Lê Văn L có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị H số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*), buộc chị Đào Mỹ X có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị H số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng)*.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Lê Văn L có nghĩa vụ nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), buộc chị Đào Mỹ X có nghĩa vụ nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*).

Trả lại cho bà Võ Thị H số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014642 ngày 23/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày tuyên án. Riêng bị đơn Lê Văn L vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga